TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C P** **TỈNH Q N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 354/2019/QĐST-HNGĐ	*C P, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 365/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh N N T**,** sinh năm: 1988;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 10, khu 5, phường M D, thành phố C P, tỉnh Q N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- Bị đơn: Chị Đ T T N, sinh năm: 1992;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở : Tổ 30, khu 4A2, phường C Ô, thành phố C P, tỉnh Q N;

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh N N T và chị Đ T T N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N N T và chị Đ T T N cùng thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh N N T và chị Đ T T N có 01 (một) con chung là N T Đ; sinh ngày 28/01/2016; Khi ly hôn chị Đ T T N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là N T Đ; sinh ngày 28/01/2016 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N N T có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N N T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh N N T và chị Đ TT N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh N N T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0004752 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Q N;*
- *VKSND TP.C P;*
- *Chi cục THATP.C P;*
- *UBND phường M D, TP.C P;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*

THẨM PHÁN

T T G